



FDI VÀ LIÊN DOANH NƯỚC NGOÀI

Nhìn từ năm 2010

Kinh nghiệm của các quốc gia đang phát triển đã cho thấy, không một quốc gia nào có thể cất cánh bằng nguồn vốn FDI, mà chủ yếu phải bằng nội lực của chính quốc gia đó.

CAO MINH TRÍ (*)

Trong xu hướng toàn cầu hóa, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ngày càng đóng một vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế của các quốc gia. Đặc biệt là đối với các nước đang phát triển, nguồn vốn đầu tư nước ngoài là một trong những nguồn vốn đầu tư chính trong giai đoạn cất cánh. VN cũng không nằm ngoài xu hướng chung này. Xét trên bình diện cả nước, sự phát triển nhanh chóng của các doanh nghiệp FDI, đặc biệt là các liên doanh nước ngoài, không chỉ khẳng định vị trí, vai trò của khu vực kinh tế trẻ mà còn góp phần to lớn vào sự nghiệp công nghiệp hóa- hiện đại hóa, phát triển kinh tế, hội nhập kinh tế VN với kinh tế khu vực và kinh tế

thế giới.

Quan điểm xuyên suốt của Đảng và Nhà nước trong việc thu hút sử dụng, quản lý FDI và liên doanh nước ngoài ở VN là phải dung hòa lợi ích giữa nhà đầu tư nước ngoài và đất nước, thể hiện qua Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X [1]:

“Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; thực hiện cam kết với các nước về thương mại, đầu tư và các lĩnh vực khác;

chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và vượt qua những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)”.

Trong việc thu hút, sử dụng và quản lý FDI ở TP.HCM ngoài những vấn đề có tính nguyên tắc được Đảng và Nhà nước chỉ đạo thì còn phải xuất phát từ những đặc thù của địa phương cũng cần có những hướng đi phù hợp hơn. Sau đây là một số quan điểm và định hướng cơ bản quan trọng:

1. Khu vực FDI nói chung và liên doanh nước ngoài nói riêng là một bộ phận hữu cơ của nền kinh tế, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội của đất nước:

Vấn đề này đã được khẳng định từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và mới đây, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã ghi rõ: “Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận của nền kinh tế VN, được khuyến khích phát triển, hướng mạnh vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, hàng hóa và dịch vụ có công nghệ cao, xây dựng kết cấu hạ tầng”.

Tuy vậy, trên thực tế, nhiều người vẫn băn khoăn khi muốn coi đây là quan điểm có tính hàng đầu trong thu hút, sử dụng và quản lý FDI nói chung và liên doanh nước ngoài nói riêng; mặc dù cho đến nay, không còn nghi ngờ gì việc



khu vực FDI đã dần chuyển thành nhân tố bên trong, không thể thiếu được và đã có nhiều đóng góp cho nền kinh tế. Như vậy, cần dứt khoát trong quan điểm đối xử với doanh nghiệp FDI như một khu vực bình đẳng đối với các thành phần khác trong nền kinh tế và cần nhanh chóng dỡ bỏ các rào cản, tạo sự thông thoáng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp trong khu vực này. Đến năm 2005, VN đã có Luật đầu tư chung cho cả đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, xóa bỏ cơ chế hai giá để tạo ra sân chơi bình đẳng cho các thành phần kinh tế. Tuy nhiên, cũng cần phải có lộ trình cụ thể, từng bước do VN còn nghèo, theo cơ chế quản lý tập trung, bao cấp một thời gian dài.

“Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế VN được đối xử bình đẳng như doanh nghiệp VN trong kinh doanh... Đối mới phương thức quản lý nh nước và cải tiến mạnh mẽ thủ tục đầu tư, thực hiện đúng theo quy định của Luật Đầu tư và phù hợp với lộ trình thực hiện cc cam kết quốc tế của nước ta.” (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X).

2. FDI nói chung và liên doanh nước ngoài nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước mà còn cả trong sự phát triển sau này của nền kinh tế. Nguồn vốn FDI còn là đòn bẩy tạo hiệu ứng kinh tế với nguồn vốn trong nước:

Kinh nghiệm của các quốc gia đang phát triển đã cho thấy, không một quốc gia nào có thể cất cánh bằng nguồn vốn FDI, mà chủ yếu phải bằng nội lực của chính quốc

gia đó. Nhưng trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa, nếu không có nguồn vốn FDI, một nước đang phát triển như VN khó có thể kết hợp nguồn lực lao động với các nguồn lực khác một cách hiệu quả vì thiếu khoa học kỹ thuật, khoa học quản lý tiên tiến và thị trường tiêu thụ. Giả sử chúng ta có đủ vốn và tự nhập khẩu công nghệ tiên tiến, tự gửi người đi học cách sử dụng, quản lý thì chi phí sẽ cao hơn rất nhiều so với việc sử dụng nguồn vốn FDI. Ngoài ra, cần nhận thấy rằng, chính các nước công nghiệp phát triển lại là những nước nhận được nhiều FDI nhất trên thế giới. Điều này cho thấy vốn FDI sẽ còn đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc duy trì một mức tăng trưởng bền vững và là tác nhân mang lại sự đổi mới liên tục cho nền kinh tế để nó có thể đạt được những tầm cao mới.

“Tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài, phấn đấu đạt trên 1/3 tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 5 năm. Mở rộng lĩnh vực, địa bàn và hình thức thu hút FDI, hướng vào những thị trường giàu tiềm năng và các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về số lượng và chất lượng, hiệu quả nguồn FDI; tranh thủ nguồn vốn ODA đi đôi với việc đẩy nhanh tốc độ giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng và có kế hoạch đảm bảo trả nợ. Xác định đúng mục tiêu sử dụng và đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn ODA, cải tiến phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng và có kế hoạch trả nợ đúng hạn; duy trì tỉ lệ vay nợ nước ngoài hợp lý, an toàn. Từng bước mở rộng đầu tư gián tiếp của nước ngoài và có chính sách hiệu quả

hơn để thu hút kiều hối vào phát triển kinh tế. Tạo điều kiện thuận lợi và có cơ chế khuyến khích các hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp VN” (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X).

3. FDI nói chung và liên doanh nước ngoài nói riêng phải được thu hút và sử dụng sao cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế VN, đồng thời bảo đảm mục tiêu kiểm lợi nhuận của nhà đầu tư nước ngoài:

Khi đầu tư vào VN, nhà đầu tư nước ngoài luôn tính toán để có được tỷ suất lợi nhuận nếu không cao hơn thì ít nhất cũng phải bằng tỷ suất lợi nhuận mà họ có thể thu được ở các nước khác trong khu vực. Do đó, họ chỉ đầu tư vào những ngành có tỷ suất lợi nhuận cao, khả năng thu hồi vốn nhanh, ở những nơi có thuận lợi về cơ sở hạ tầng vật chất. Vì thế, dễ dẫn đến tình trạng mất cân đối trong cơ cấu đầu tư. Nhiệm vụ của chúng ta phải định hướng, điều tiết vốn FDI trên cơ sở có quy hoạch một cách chi tiết và rõ ràng sao cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế của địa phương mình. Tuy nhiên, ta cũng không thể sốt ruột buộc họ theo ý muốn của ta, mà phải quan tâm tới lợi ích của họ khi ban hành chính sách, khéo léo làm cho vùng giao thoa lợi ích giữa các bên càng lớn càng tốt.

“Phát huy vai trò chủ thể và tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, phát triển thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới. Khuyến khích các doanh nghiệp VN hợp tác liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và mạnh dạn đầu tư ra nước



ngoài. Đa dạng hoá hình thức và cơ chế đầu tư để thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài, gồm cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp, vào các ngành, các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ nguồn, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.” (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X).

4. Chính sách về thu hút và quản lý FDI nói chung và liên doanh nước ngoài nói riêng phải được xây dựng trên cơ sở vận dụng các thông lệ và nguyên tắc có tính phổ biến của pháp luật về FDI của các nước trong khu vực và trên thế giới:

Ban hành quy chế tối huệ quốc trong đầu tư, chống phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư ở các nước khác nhau. Áp dụng nguyên tắc đối xử quốc gia trong hoạt động đầu tư. Nghĩa là các nhà đầu tư VN phải được hưởng các quyền lợi, ưu đãi và nghĩa vụ tương tự như các nhà đầu tư nước ngoài. Các quy định về năm tài khóa, về vấn đề kế toán, thủ tục hải quan, thủ tục pháp lý... áp dụng chung cho mọi thành phần kinh tế và đặc biệt là các quy định có tính chất đặc thù chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có vốn FDI phải phù hợp với những nguyên tắc thông lệ chủ yếu của thế giới, đặc biệt là của các nước công nghiệp phát triển. Việc đưa ra các chính sách ưu đãi nhằm thu hút FDI cần được cân nhắc kỹ để tránh nảy sinh nhiều vấn đề rất phức tạp và kinh nghiệm cho thấy, các ưu đãi này chưa chắc đã thu hút thêm được nhiều vốn đầu tư tốt và bền vững.

“Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, rà soát lại các văn bản pháp quy, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật bảo đảm tính đồng

bộ, nhất quán, ổn định và minh bạch. Cải thiện môi trường đầu tư; thu hút các nguồn vốn FDI, ODA, đầu tư gián tiếp, tín dụng thương mại và các nguồn vốn khác. Bảo đảm tính thống nhất, ổn định, minh bạch và ngày càng hấp dẫn trong chính sách đầu tư nước ngoài. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp của nước ngoài, tạo lợi thế so sánh để thu hút nhiều doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới đầu tư cho sản phẩm xuất khẩu và công nghệ cao, tạo sự chuyển biến tích cực về chất lượng, số lượng và hiệu quả đầu tư nước ngoài. Đơn giản hoá thủ tục cấp phép đầu tư đối với đầu tư nước ngoài; thu hẹp các lĩnh vực không cho phép đầu tư và những lĩnh vực đầu tư có điều kiện, mở rộng lĩnh vực đăng ký đầu tư. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư phát triển các lĩnh vực dịch vụ theo các cam kết quốc tế” (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X).

5. TP.HCM phải có chính sách đúng đắn trong việc phát huy những lợi thế riêng có trong việc thu hút đầu tư nước ngoài:

Mỗi địa phương đều có những lợi thế riêng, không chỉ về mặt hạ tầng kỹ thuật và xã hội mà còn có thể về mặt chính sách để thu hút vốn đầu tư. Xét về mọi mặt thì TP.HCM vẫn là nơi có lợi thế tổng hợp hơn cả so với các địa phương khác trong cả nước để thu hút đầu tư nước ngoài như: là nơi tập trung đội ngũ trí thức đông đảo, có chất lượng; cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội tốt... nên sẽ có lợi thế hơn khi phát triển các ngành nghề kỹ thuật thâm dụng vốn và các ngành dịch vụ đòi hỏi kỹ năng cao.

“Tạo điều kiện cho đầu tư nước

ngoài tham gia nhiều hơn vào phát triển các ngành, vùng lnh thỏ ph hợp với cc cam kết quốc tế của nước ta” (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X).

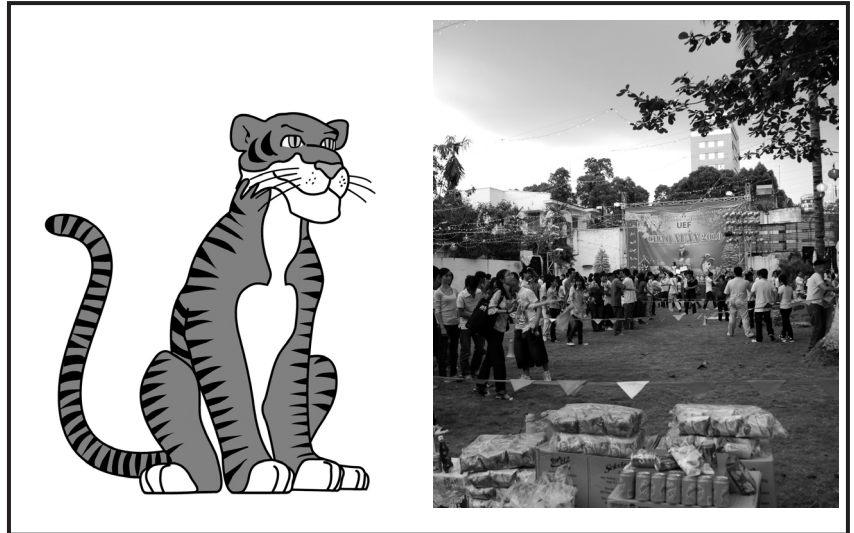
Tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh và đúng hướng là chủ trương hết sức đúng đắn của Đảng ta. Đồng thời, đó cũng là xu thế tất yếu mang tính quy luật của thời đại ngày nay. Song, để đạt được yêu cầu đó với cái nhìn từ năm 2010, chúng ta phải có những giải pháp mang tính đồng bộ; đặc biệt phải chú ý xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ người VN (trước hết là những cán bộ lãnh đạo, quản lý) hoạt động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thật sự có năng lực và phẩm chất tốt. Nói gọn lại là, phải có tài, tâm, trí và tín [2]. Có tài người cán bộ mới tự tin, mới có khả năng làm việc bình đẳng với đối tác nước ngoài, mới đạt được hiệu quả cao trong công việc. Có tâm mới trung thành với Đảng, với chế độ, với đất nước; mới giữ đúng được định hướng xã hội chủ nghĩa; mới chấp hành đúng pháp luật và mới giữ được chủ quyền đất nước. Có trí (trí tuệ) mới nỗ lực tự rèn luyện, mới tiếp thu nhanh chóng được những tiến bộ về khoa học-kỹ thuật của đối tác nước ngoài, học tập được kinh nghiệm quản lý và tác phong công nghiệp của họ để phụng sự lợi ích quốc gia. Có tín mới tranh thủ được lòng tin của phía đối tác nước ngoài và sự đồng tình ủng hộ của quần chúng lao động người VN.

Để đảm bảo lợi ích của Nhà nước VN, của bên VN trong liên doanh và của người lao động, công tác cán bộ và đào tạo phải hướng

vào việc nâng cao trình độ quản lý của cán bộ VN trong hoạt động đầu tư nước ngoài và đào tạo người VN có trình độ chuyên môn giỏi để đảm trách những công việc trong lĩnh vực của đầu tư nước ngoài. Cụ thể, cần ban hành cc văn bản pháp quy hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý phần vốn nhà nước ở các liên doanh nước ngoài hoặc ban hành Quy chế riêng đối với cán bộ bên VN tham gia quản lý liên doanh nước ngoài thông qua Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; xây dựng Đề án tổ chức đào tạo cán bộ VN làm công tác đầu tư nước ngoài, trong đó có việc tổ chức thường xuyên tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, pháp luật cho cán bộ VN đang làm việc tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài...

Trong lực lượng sản xuất, con người luôn là yếu tố quyết định, đồng thời thực tế đã cho thấy có rất nhiều trường hợp sự đổ vỡ của các doanh nghiệp FDI nói chung và các doanh nghiệp liên doanh nói riêng bắt nguồn từ sự yếu kém của cán bộ quản lý. Do đó, cần nghiên cứu và cân nhắc kỹ lưỡng khi lựa chọn cán bộ lãnh đạo đại diện cho bên VN tại các liên doanh nước ngoài. Cần phải quy định rõ các yêu cầu trong việc lựa chọn cán bộ: chuyên trách hay kiêm nhiệm, nhiệm kỳ giữ chức vụ, quy hoạch và luân chuyển... Đối với thành viên tham gia Hội đồng quản trị (bên VN tham gia tối thiểu hai người), cần phải có một người chuyên trách, người còn lại là một trong những cán bộ lãnh đạo của doanh nghiệp đại diện đối tác bên VN kiêm nhiệm để có thể kịp thời ra những quyết định cuối cùng. Đối với các thành viên Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng bắt buộc phải

là cán bộ chuyên trách thì mới có thời gian và điều kiện thực thi tốt nhiệm vụ của mình. Ngoài ra, có thể xem xét hình thức thuê cán bộ quản lý (Ban Tổng giám đốc) thay cho chế độ đề cử, nếu liên doanh bị lỗ vượt quá hạn định thì bãi nhiệm.



Cán bộ VN cũng không nên đảm nhiệm vĩnh viễn các chức danh trong liên doanh mà nên áp dụng hình thức nhiệm kỳ. Mỗi cán bộ nên đảm nhận nhiệm vụ không quá hai nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm. Đặc biệt, cần có kế hoạch quy hoạch và luân chuyển rõ ràng, nhất là sau khi cán bộ hoàn thành nhiệm vụ hoặc hết nhiệm kỳ để có thể an tâm công tác và thực hiện đúng trách nhiệm của mình tại liên doanh. Vốn kiến thức và kinh nghiệm quý giá được tích lũy trong thời gian làm việc tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ mang lại lợi ích to lớn không những cho cá nhân cán bộ mà còn cho cả đối tác bên VN nếu các cơ quan chủ quản đánh giá đúng và sử dụng đúng cán bộ của mình tại đơn vị mình. Bên cạnh đó, việc lựa chọn cán bộ VN cần có sự tham khảo và thống nhất giữa các

bên tham gia liên doanh và các cơ quan hữu trách.

Muốn có một đội ngũ cán bộ như thế, trước hết phải xây dựng cho được tổ chức Đảng, đoàn thể đủ mạnh để hoạt động có hiệu quả trong các doanh nghiệp có vốn đầu

tư nước ngoài. Đối với việc xây dựng và phát triển tổ chức Đảng, Quy định số 15-QĐ/TW ngày 26/11/1996 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ghi rõ: “Đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước ở doanh nghiệp, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các bên trong doanh nghiệp”. Để tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của hệ thống chính trị nói chung và của tổ chức Đảng nói riêng, ngay từ đầu, khi đàm phán với đối tác nước ngoài, chúng ta phải công khai, thẳng thắn đặt vấn đề này ra bàn bạc. Cần nói rõ cho đối tác nước ngoài biết hoạt động của tổ chức Đảng và đoàn thể không ngoài mục đích làm cho doanh nghiệp phát triển, sản xuất



kinh doanh đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, làm cho cả phía VN và đối tác nước ngoài đều có lợi. Khi hoạt động của tổ chức Đảng được thừa nhận thì Đảng bộ, chi bộ phải có phương thức lãnh đạo phù hợp với đặc thù của một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Với thực trạng hiện nay, tổ chức Đảng nên được củng cố ở nhiệm vụ tổ chức giáo dục chính trị tư tưởng cũng như lý luận chính trị và tổ chức quan tâm chăm lo đến đời sống của cán bộ, đảng viên và người lao động.

Về tổ chức công đoàn nhất thiết phải thể hiện được vai trò là người bảo vệ quyền lợi của người lao động, phải xây dựng được kế hoạch hoạt động ở các lĩnh vực như ký kết thỏa ước lao động tập thể hàng năm, sinh hoạt thường kỳ, tổ chức các phong trào, kế hoạch hỗ trợ người lao động nâng cao tay nghề và kế hoạch đào tạo lại cán bộ công đoàn... Về tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, cần phải xây dựng được các kế hoạch thu hút thanh niên tham gia tổ chức một cách tự nguyện, tham mưu cho cấp ủy các hình thức giáo dục tư tưởng và ý thức chính trị cho đoàn viên, giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng xây dựng lực lượng nòng cốt...

Theo chính sách công nghiệp hóa- hiện đại hóa, TP.HCM cùng cả nước đang tiếp tục tăng cường phát triển kinh tế. Chủ thể chính là doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trong xu thế tư nhân hóa doanh nghiệp quốc doanh ở các nước, VN có cách riêng của mình là củng cố khu vực kinh tế quốc doanh với sự hỗ trợ vốn của nước ngoài. Vấn đề cốt yếu của hình thức đầu tư phát triển

này là tạo ra lợi nhuận cho các bên tham gia theo nguyên tắc “cùng có lợi”. Theo số liệu khảo sát do nhóm chuyên gia VN và Nhật thực hiện, 80% doanh nghiệp Nhật ở VN đã lên kế hoạch mở rộng kinh doanh trong ba năm tới do họ nhìn thấy thị trường VN có nhiều triển vọng phát triển và cảm thấy an tâm khi đầu tư vào một nước có nền chính trị ổn định. Đồng thời hơn một nửa số nhà đầu tư Nhật còn thấy hoạt động kinh doanh ở VN giờ đây đã thuận lợi hơn. Kết quả trên cho thấy nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư của VN đã được nhà đầu tư nước ngoài ghi nhận. Chuyển biến rõ nét nhất là trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, cắt giảm chi phí kinh doanh đầu vào, nỗ lực xóa bỏ cơ chế hai giá, các chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích xuất khẩu... Nhưng dưới mắt nhà đầu tư, VN vẫn là nơi có độ rủi ro cao do chính sách và luật lệ thiếu ổn định, hay thay đổi. Tuy môi trường đầu tư đã tốt hơn nhưng vẫn chưa sánh bằng một số nước ASEAN khác và Trung Quốc, do vậy FDI vào VN vẫn rất nhỏ.

Nếu nghiên cứu tình hình vốn đầu tư của các nước trong khu vực thì số dự án thất bại trong thời kỳ đầu của chính sách mở cửa thu hút vốn đầu tư nước ngoài của chúng ta chưa phải là cao. Nhưng nếu kịp thời nghiên cứu sự thất bại của các dự án đã bị đổ bể sẽ là những bài học tốt để chấn chỉnh và rút kinh nghiệm cho các dự án đang và sẽ đi vào hoạt động. Trong thời gian qua, tại nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các liên doanh, bên VN bị thua thiệt về nhiều mặt và chưa tạo được một vị thế phù hợp. Một trong những nguyên nhân chủ yếu và quan trọng

là vấn đề quản lý còn chưa hoàn thiện chặt chẽ và có hiệu quả. Một khi quản lý có hiệu quả sẽ nâng cao được hiệu quả hoạt động đầu tư và chính nó tạo ra giải pháp chính trị, kinh tế phù hợp nhằm nâng cao vị thế bên VN, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.

Với thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước, sự ổn định về chính trị và phát triển kinh tế- xã hội của cả nước, quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng, tạo đà cho việc gia tăng nhanh đầu tư nước ngoài vào VN nói chung và TP.HCM nói riêng. Ngày càng có thêm nhiều dự án hoạt động có lợi nhuận, đã góp phần đóng góp cho ngân sách và đổi mới công nghệ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn Thành phố cũng như tạo công ăn việc làm ổn định và chất lượng cao cho đông đảo người dân lao động. Với những vận hội mới, tình hình đầu tư nước ngoài vào Thành phố trong những năm tới sẽ còn gia tăng và phát triển nhanh hơn nữa. Do vậy, một lần nữa, đòi hỏi công tác lãnh đạo, quản lý tiếp tục phát huy kết quả đạt được, tiếp thu cái mới, cải tiến mạnh mẽ các yếu kém để công tác quản lý ngày càng tốt hơn, đảm bảo thực hiện mục tiêu chiến lược kinh tế- xã hội từ năm 2010. ●

Chú thích:

(*)Thạc sĩ Kinh tế, Giám đốc Marketing UEF

[1] http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30618&cn_id=5177

[2] Tiên Hải (2003), “Xây dựng đội ngũ cán bộ người VN trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài”, Tạp chí Cộng sản, (13), tr. 36.

(Tiếp theo trang 41)